

# KỸ NĂNG GIAO TIẾP VỚI TRẺ 5-6 TUỔI CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ 2 NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

TS .Vũ Thúy Hoàn

Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội

Nguyễn Thị Hải Yên - Nguyễn Phạm Hà Vy - Cao Thuý Quỳnh

Nguyễn Huy Tuệ Linh - Đinh Thị Khánh Hoà

Sinh viên GDMN D2024, Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội

Email: vthoan@hnm.edu.vn.

**Tóm tắt:** Bài báo đánh giá thực trạng kỹ năng giao tiếp sư phạm với trẻ 5 - 6 tuổi của sinh viên năm thứ 2, ngành Giáo dục mầm non Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội trong bối cảnh yêu cầu nghề nghiệp đòi hỏi giáo viên không chỉ “truyền đạt” mà còn thiết lập quan hệ, tạo an toàn tâm lý và điều chỉnh tương tác theo đặc điểm cá nhân của trẻ. Trong khuôn khổ bài báo, tác giả xác định kỹ năng giao tiếp sư phạm gồm ba nhóm: thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin, và sử dụng phương tiện giao tiếp. Khảo sát 193 sinh viên năm thứ 2 ngành Giáo dục mầm non Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội, cho thấy kỹ năng giao tiếp sư phạm đạt mức trung bình của thang đo, trong đó kỹ năng trao đổi thông tin đạt mức cao nhất, tiếp đến là kỹ năng thiết lập mối quan hệ, và thấp nhất là kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp. Kết quả chỉ ra khoảng cách giữa yêu cầu lý luận và năng lực thực hành của sinh viên, qua đó gợi ý trong quá trình đào tạo cần chú ý nhiều hơn đến hoạt động thực hành, tăng cơ chế phản hồi trong thực tập, chuẩn hóa tiêu chí hành vi giao tiếp và rèn luyện năng lực tương tác để nâng kỹ năng từ trung bình lên mức đáp ứng nghề nghiệp.

**Từ khóa:** Kỹ năng giao tiếp, thực hành, thực tập, giáo dục mầm non.

Nhận bài: 23/12/2025; Biên tập: 24/12/2025; Phản biện: 29/12/2025; Duyệt đăng: 05/01/2026.

## 1. Đặt vấn đề

Giáo dục mầm non (GDMN) là giai đoạn đặt nền tảng cho sự phát triển toàn diện của trẻ, trong đó kỹ năng (KN) giao tiếp sư phạm giữa giáo viên (GV) và trẻ đóng vai trò KN quan trọng, nền tảng của mọi hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (GD) trẻ mầm non. Chất lượng tương tác giữa GV với trẻ (teacher - child interactions) được ghi nhận có mối quan hệ chặt chẽ với sự phát triển ngôn ngữ và năng lực nhận thức của trẻ, thể hiện thông qua các hoạt động giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng. Kết quả nghiên cứu dọc ở lứa tuổi mẫu giáo cho thấy các thành tố tổ chức lớp và hỗ trợ học tập có khả năng dự báo sự phát triển vốn từ tiếp nhận của trẻ.

Xét ở chiều ngược lại, năng lực giao tiếp của GV và giáo sinh/sinh viên (SV) ngành GDMN không tự hình thành mà chịu tác động của quá trình đào tạo, thực hành nghề nghiệp. Các hoạt động đào tạo dựa trên các tình huống giả định để rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo SV ngành GDMN được chứng minh giúp cải thiện các KN tương tác cốt lõi như đáp ứng sự nhạy cảm, tôn trọng tính tự chủ, thiết lập giới hạn và giao tiếp lời nói.

Trong bối cảnh Việt Nam, chuẩn nghề nghiệp GVMN nhấn mạnh yêu cầu về giao tiếp, ứng xử sư phạm và tổ chức môi trường giáo dục an toàn, thân thiện. Bài viết khảo sát thực trạng KN giao tiếp của SV năm thứ 2 ngành GDMN với trẻ 5 - 6 tuổi và phân tích các vấn đề xoay quanh thực trạng nhằm cung cấp căn cứ cho hoạt động đào tạo GV ngành GDMN nói chung, công tác đào tạo GVMN

của Trường Đại học (ĐH) Thủ Đô Hà Nội phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý luận

KN giao tiếp sư phạm là sự vận dụng kiến thức và kinh nghiệm hành động của GV vào việc thực hiện có hiệu quả các hành động thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm và hành động, cũng như sử dụng các phương tiện giao tiếp với người học trong những điều kiện xác định. KN giao tiếp sư phạm gồm ba nhóm KN cơ bản: thiết lập mối quan hệ; truyền đạt thông tin nhận thức, tình cảm, hành động; sử dụng phương tiện giao tiếp phù hợp, hiệu quả. KN giao tiếp sư phạm được thể hiện cả trong quá trình và kết quả của hoạt động giao tiếp.

Thiết lập mối quan hệ là một trong những KN giao tiếp sư phạm quan trọng, đặc biệt trong GDMN, bởi giao tiếp trước hết là sự liên hệ giữa các chủ thể, tạo tiền đề cho quá trình trao đổi thông tin và tác động giáo dục. Đối tượng giao tiếp của SV ngành GDMN là trẻ em MN nói chung, trẻ 5 - 6 tuổi nói riêng, lứa tuổi có đặc điểm tâm lý đang hình thành và phát triển, đời sống xúc cảm - tình cảm chi phối mạnh mẽ hành vi và nhận thức. Khi đến trường, trẻ cần một môi trường an toàn về tâm lý và thể chất để thích nghi với môi trường mới. Trên cơ sở phân tích đặc điểm tâm lý trẻ và yêu cầu của giao tiếp sư phạm MN, có thể khẳng định KN thiết lập mối quan hệ là KN đầu tiên và có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả GD trẻ. KN thiết lập mối quan hệ của SV

ngành GDMN với trẻ 5 - 6 tuổi được hiểu là sự vận dụng kiến thức và kinh nghiệm hành động nhằm thể hiện sự tôn trọng, thiện ý, thấu hiểu tâm lý và yêu thương trẻ, qua đó tạo cho trẻ cảm giác an toàn, tin cậy, vui vẻ và thoải mái khi giao tiếp với GV.

Trao đổi thông tin là nội dung cơ bản và trung tâm của giao tiếp, có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của quá trình giao tiếp sư phạm. Về bản chất, giao tiếp là quá trình truyền đạt và tiếp nhận thông tin giữa các chủ thể nhằm tác động qua lại lẫn nhau. Do đó, trao đổi thông tin có hiệu quả đòi hỏi chủ thể giao tiếp phải biết vận dụng kiến thức, kinh nghiệm và KN nghề nghiệp một cách linh hoạt. Trong GDMN, mục đích của việc trao đổi thông tin với trẻ là giúp trẻ phát triển toàn diện các lĩnh vực: nhận thức, tình cảm - KN xã hội, thể chất, thẩm mỹ và ngôn ngữ.

Các mục tiêu này mang tính tích hợp, được lồng ghép trong các hoạt động giáo dục hằng ngày. Vì vậy, việc truyền đạt thông tin tới trẻ phải đảm bảo tính đúng đắn, đầy đủ, phù hợp với chương trình giáo dục mầm non; phát huy tính tích cực của trẻ; phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi và cá nhân trẻ; đồng thời đảm bảo tính trực quan, sinh động. Như vậy, KN trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động của SV ngành GDMN với trẻ 5 - 6 tuổi là sự vận dụng hiệu quả kiến thức và kinh nghiệm nghề nghiệp vào quá trình trao đổi với trẻ các nội dung kiến thức, cảm xúc và hành động trong những điều kiện giao tiếp cụ thể.

Trong giao tiếp sư phạm, phương tiện giao tiếp giữ vai trò đặc biệt quan trọng, trong đó ngôn ngữ nói được coi là phương tiện giao tiếp đặc trưng và chủ yếu của con người nói chung, của SV ngành GDMN nói riêng. Bên cạnh đó, các phương tiện phi ngôn ngữ như nét mặt, cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ, trang phục và các phương tiện vật chất (đồ dùng, đồ chơi, giáo cụ trực quan) cũng được sử dụng thường xuyên và có tác động mạnh mẽ đến hiệu quả giao tiếp, đặc biệt với trẻ 5 - 6 tuổi - lứa tuổi chưa biết chữ và có tư duy trực quan hành động là chủ yếu. Trong giao tiếp với trẻ 5 - 6 tuổi, SV ngành GDMN chủ yếu sử dụng ngôn ngữ nói kết hợp với hành vi, cử chỉ phi ngôn ngữ và đồ dùng, đồ chơi nhằm giúp trẻ dễ dàng tiếp nhận thông tin, hình thành cảm xúc tích cực và lĩnh hội tri thức tiên khoa học. Việc lựa chọn từ ngữ chuẩn mực, giàu ngữ điệu, kết hợp hài hòa với các phương tiện phi ngôn ngữ và phương tiện trực quan có ý nghĩa quan trọng trong việc tác động đến nhận thức và tình cảm của trẻ. Như vậy, KN sử dụng phương tiện giao tiếp của SV ngành GDMN với trẻ 5 - 6 tuổi được hiểu là sự vận dụng kiến thức và kinh nghiệm nghề nghiệp vào việc sử dụng hiệu quả ngôn ngữ nói, hành vi cử chỉ phi ngôn ngữ và đồ dùng, đồ chơi trong những điều kiện giao tiếp xác định.

Từ quan niệm trên, chúng tôi cho rằng, KN giao tiếp sư phạm của SV năm thứ 2 ngành GDMN với trẻ

5 - 6 tuổi là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm hành động/hoạt động của SV mầm non vào thực hiện có hiệu quả các hành động thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và sử dụng các phương tiện giao tiếp với trẻ 5 - 6 tuổi trong những điều kiện xác định, hướng tới sự hình thành phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ.

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu này sử dụng PP nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu thực tiễn, khảo sát trên 193 SV ngành GDMN năm thứ 2 Trường ĐH Thủ Đô Hà nội. Kết quả khảo sát được đánh giá theo thang đo 5 mức độ của Likert, cụ thể như sau: Thang đo 5 mức độ chuyển định lượng tương ứng từ 1 đến 5, điểm tối đa của thang đo là 5 (max) và điểm tối thiểu 1 (min). Do vậy, X của các mức sẽ nằm trong khoảng  $1 \leq X \leq 5$ , kết quả sẽ được tính như sau:

Mức 1 (Rất thấp):  $1,0 \leq \text{ĐTB} \leq 1,8$

Mức 2 (Thấp):  $1,8 < \text{ĐTB} \leq 2,6$

Mức 3 (Trung bình):  $2,6 < \text{ĐTB} \leq 3,4$

Mức 4 (Cao):  $3,4 < \text{ĐTB} \leq 4,2$

Mức 5 (Rất cao):  $4,20 < \text{ĐTB} \leq 5,0$

**2.3. Thực trạng KN giao tiếp sư phạm với trẻ 5 - 6 tuổi của SV năm thứ 2 ngành GDMN Trường ĐH Thủ Đô Hà Nội**

**Bảng 2.1. KN giao tiếp với trẻ 5 - 6 tuổi của SV ngành GDMN năm thứ 2**

STT	Các kỹ năng	Điểm trung bình	Thứ bậc	Mức độ
1	KN thiết lập mối quan hệ với trẻ	3,04	2	TB
2	KN trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động	3,06	1	TB
3	KN sử dụng phương tiện giao tiếp	3,02	3	TB
Điểm TBT		3,04		TB

Kết quả thực trạng ở bảng trên phản ánh mức độ phát triển KN giao tiếp sư phạm với trẻ 5 - 6 tuổi của SV năm thứ 2 ngành GDMN theo đúng khung lý luận của bài báo, trong đó KN được cấu trúc thành ba nhóm hành động: (i) thiết lập mối quan hệ, (ii) trao đổi thông tin về nhận thức - tình cảm - hành động, (iii) sử dụng phương tiện giao tiếp. Cả ba nhóm đều đạt mức Trung bình với điểm trung bình chung (ĐTB) = 3,04. Theo thang đo Likert của nghiên cứu, “Trung bình” tương ứng khoảng  $2,6 < \text{ĐTB} \leq 3,4$ . Vì vậy, kết quả cho phép khẳng định năng lực giao tiếp của SV đã hình thành ở mức nền tảng, song chưa đạt mức độ yêu cầu của nghề nghiệp - tức chưa đủ ổn định và linh hoạt để đáp ứng nhất quán các tình huống giao tiếp giàu biến thiên trong lớp học MN.

Xét theo thứ bậc, nhóm trao đổi thông tin đạt cao nhất (ĐTB = 3,06; hạng 1), tiếp theo là thiết lập mối quan hệ (ĐTB = 3,04; hạng 2), và thấp nhất là sử dụng phương tiện giao tiếp (ĐTB = 3,02; hạng 3).

Mặc dù độ chênh điểm số nhỏ (0,04 giữa cao nhất và thấp nhất), thứ bậc này có ý nghĩa chuyên môn rõ rệt khi đặt trong logic toàn bộ các KN: SV có xu hướng tương đối “mạnh” ở thành tố thiên về ngôn ngữ - nội dung (trao đổi/giải thích/hướng dẫn) hơn là thành tố thiên về tương tác quan hệ và tương tác đa kênh (kết hợp lời nói - phi ngôn ngữ - phương tiện trực quan). Nói cách khác, năng lực giao tiếp của SV đang nghiêng về “truyền đạt” trong khi nghề GDMN, như các kết quả nghiên cứu đã nhấn mạnh, đòi hỏi GV không chỉ truyền đạt mà còn tạo lập quan hệ, cảm giác an toàn và điều chỉnh tương tác theo đặc điểm cá nhân trẻ, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, việc trao đổi thông tin đứng hạng 1 (3,06) cho thấy SV đã có mức độ nhất định trong việc truyền tải thông tin nhận thức, tình cảm và hành động đến trẻ 5 - 6 tuổi. Kết quả này phù hợp với thực tế đào tạo giai đoạn đầu, khi SV thường được tiếp cận sớm với các học phần PP tổ chức hoạt động, kế hoạch GD và kỹ thuật diễn đạt. Tuy nhiên, ở lứa tuổi 5 - 6, giao tiếp không chỉ là “nói đúng nội dung”, mà còn là làm cho thông điệp trở nên dễ tiếp nhận, có tính gợi mở, đồng thời khơi gợi được cảm xúc tích cực và thúc đẩy tự điều chỉnh hành vi của trẻ. Do đó, mức “Trung bình” cho thấy SV có thể thực hiện được các thao tác giao tiếp cơ bản trong điều kiện thuận lợi, nhưng vẫn dễ rơi vào tình trạng không đảm bảo yêu cầu khi tình huống phát sinh, ví dụ: trẻ phản ứng ngoài dự kiến, nhóm trẻ mất tập trung, xung đột giữa trẻ, hoặc khác biệt cá nhân về ngôn ngữ và tự kiểm soát. Đây là điểm quan trọng mà cơ sở lý luận mà các nhà nghiên cứu đã chỉ ra: chất lượng tương tác GV với trẻ có mối liên hệ với phát triển ngôn ngữ và năng lực học tập sớm của trẻ, do vậy “chất lượng” ở đây không thể chỉ đo bằng việc có hoặc không truyền đạt, mà phụ thuộc vào cách tương tác thúc đẩy học tập và cảm xúc của trẻ (bài dẫn Yang và cộng sự).

*Thứ hai*, KN thiết lập mối quan hệ của SV với trẻ 5 - 6 tuổi được xếp hạng 2 (3,04), đây là một KN được coi như một KN “nền móng” của hai nhóm KN còn lại, như các nghiên cứu đã chỉ ra: thiết lập quan hệ tạo tiền đề cho trao đổi thông tin và tác động GD; đặc biệt với trẻ 5 - 6 tuổi, đòi hỏi xúc cảm chi phối mạnh hành vi và nhận thức, và trẻ cần môi trường an toàn về tâm lý để thích nghi. Vì vậy, việc KN này chỉ ở mức Trung bình cho thấy rằng SV có thể thể hiện thiện ý và sự thân thiện ở mức phổ quát, nhưng chưa chắc đã đạt năng lực quan hệ theo nghĩa “đọc được trẻ” và duy trì gắn kết tích cực trong tương tác kéo dài. Điểm này tương thích với quan điểm đã chỉ ra: SV có ưu thế tương đối ở thái độ tôn trọng/thiện ý nhưng hạn chế ở cá thể hóa tương tác theo nhu cầu/hoàn cảnh riêng của trẻ. Từ góc nhìn phát triển nghề, đây là dạng hạn chế phổ biến ở giai đoạn là SV - những GVMN tương lai: người học có thái độ đúng nhưng thiếu vốn trải

nhệm để chuyển thái độ thành năng lực quan hệ bền vững trong tình huống phức hợp.

*Thứ ba*, KN sử dụng phương tiện giao tiếp đạt thấp nhất (3,02) là một kết quả đáng chú ý vì trong GDMN, giao tiếp hiệu quả thường là giao tiếp đa phương thức: lời nói kết hợp ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, khoảng cách giao tiếp và đồ dùng trực quan. Các nhà nghiên cứu tâm lý học sư phạm đã nhấn mạnh rằng bên cạnh ngôn ngữ nói, các phương tiện phi ngôn ngữ và phương tiện vật chất có tác động mạnh tới hiệu quả giao tiếp, nhất là với trẻ 5 - 6 tuổi - lứa tuổi chưa biết chữ và tư duy trực quan - hành động là kiểu tư duy điển hình, đang chiếm ưu thế trong tư duy của trẻ.

Do đó, việc KN này thấp nhất gợi ý một “điểm nghẽn” của đào tạo: sinh viên có thể nói/giảng giải tương đối ổn, nhưng chưa làm chủ nhịp điệu và tổ chức tương tác bằng các tín hiệu phi ngôn ngữ (tạo chú ý, điều tiết lớp, củng cố hành vi tích cực) và bằng đồ dùng trực quan (tăng tính sinh động, hỗ trợ hiểu và ghi nhớ). Ở các lớp MN, việc hạn chế ở kênh phi ngôn ngữ - trực quan thường kéo theo hai hệ quả: (i) thông điệp sư phạm kém hấp dẫn hoặc khó “neo” vào trải nghiệm của trẻ, khiến trẻ giảm chú ý; (ii) khả năng điều tiết hành vi giảm, dẫn đến tăng gánh nặng quản lý lớp. Đây cũng là nội dung cần được khuyến nghị đối với các chương trình đào tạo GV nói chung, đào tạo GVMN nói riêng: cần rèn luyện năng lực phối hợp phương tiện phi ngôn ngữ và xử lý tình huống điều tiết hành vi.

Bên cạnh đó, quan sát bảng số liệu cho thấy một thực trạng quan trọng: Do các ĐTB đều nằm sát nhau, việc nhận thức thực trạng về KN giao tiếp sư phạm với trẻ 5 - 6 tuổi của sinh viên ngành GDMN không nên “phóng đại” khoảng cách giữa các nhóm KN, mà nên tập trung vào mẫu hình cấu trúc, bởi nếu không sẽ dẫn đến những nhận thức chưa đúng về thực trạng này. Mẫu hình đó là: (1) cả ba nhóm KN đều chưa vượt ngưỡng “Cao” (3,4); và (2) năng lực nghiêng về giao tiếp bằng lời và nội dung hơn là giao tiếp bằng quan hệ và đa phương thức. Mẫu hình này giúp liên kết trực tiếp từ cơ sở lý luận sang những đề xuất cho chương trình đào tạo: nếu KN giao tiếp sư phạm là “vận dụng kiến thức và kinh nghiệm hành động” trong điều kiện xác định, thì việc SV đạt ở mức Trung bình theo thang đo 5 mức độ, phản ánh rằng họ đã có kiến thức nhưng chưa đủ “kinh nghiệm hành động” và cơ chế phản hồi để chuẩn hóa hành vi giao tiếp theo chuẩn nghề.

Từ đó, có thể thấy rằng, thực trạng trên đã củng cố lý thuyết đã được nêu ra về hướng can thiệp: tăng cường đào tạo dựa trên thực hành có giám sát và phản hồi (micro-teaching, mô phỏng tình huống, phản hồi sau giờ dạy), chuẩn hóa tiêu chí hành vi giao tiếp để SV có “đích” cụ thể khi luyện tập, và thiết kế nhiệm vụ rèn luyện tập trung vào tương tác hai chiều cũng như xử lý tình huống phức hợp

trong lớp MN. Theo logic này, mục tiêu không chỉ là nâng mức độ đạt được lên mức trung bình của thang đo, mà là tái cân bằng cấu trúc năng lực: từ “thiên về truyền đạt” sang “tích hợp quan hệ - nội dung - phương tiện”, qua đó đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp MN về tạo môi trường an toàn, thân thiện và tối ưu hóa tương tác GV - trẻ.

### 3. Kết luận

Kết luận của bài nghiên cứu chỉ ra rằng KN giao tiếp sư phạm của SV năm thứ 2 ngành GDMN Trường ĐH Thủ Đô Hà Nội với trẻ 5 - 6 tuổi hiện đang ở mức trung bình, với sự chênh lệch rõ rệt giữa các KN. Cụ thể, SV thể hiện KN trao đổi thông tin tốt hơn so với việc thiết lập mối quan hệ hay sử dụng phương tiện giao tiếp. Tuy nhiên, sự thiếu linh hoạt trong việc cá thể hóa tương tác với trẻ, đặc biệt là việc sử dụng kết hợp các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và vật chất như ánh mắt, cử chỉ và đồ chơi, cho thấy một khoảng cách lớn trong KN thực hành của SV.

Các yếu tố như năng lực cá nhân của SV, sự tự tin và khả năng kiểm soát cảm xúc có ảnh hưởng quan trọng đến KN giao tiếp sư phạm. Để cải thiện tình hình, bài viết đề xuất cần tăng cường các hoạt

động thực hành gắn với tình huống thực tế, chẳng hạn như mô phỏng lớp học, phản hồi sau giờ dạy và chuẩn hóa tiêu chí hành vi giao tiếp. Đồng thời, các chương trình đào tạo cần chú trọng đến việc phát triển năng lực tương tác và xử lý các tình huống phức tạp trong môi trường GDMN để nâng cao chất lượng giảng dạy. Kết quả nghiên cứu cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hoàn thiện môi trường đào tạo, tạo cơ hội cho SV trải nghiệm thực tế trong quá trình học tập để đáp ứng được yêu cầu nghề nghiệp trong tương lai ■

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên MN*. Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT.
- [2]. Vũ Thúy Hoàn (2018). *Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên MN với trẻ 5 - 6 tuổi*. Luận án TS Tâm lý học.
- [3]. Yang, N., Shi, J., Lu, J., & Huang, Y. (2021). *Language development in early childhood: Quality of teacher-child interaction and children's receptive vocabulary competency*. *Frontiers in Psychology*, 12, 649680.
- [4]. Ibrahim, M. Y., Yusof, M. R., Yaakob, M. F. M., & Othman, Z. (2019). *Communication skills: Top priority of teaching competency*. *International Journal of Learning, Teaching and Educational Research*, 18(8), 17-30.

## Communication skills with 5-6 years old children by second-year preschool education students at Hanoi Metropolitan University

Dr. Vu Thuy Hoan

Hanoi Metropolitan University

Nguyen Thi Hai Yen - Nguyen Pham Ha Vy - Cao Thuy Quynh - Nguyen Huy Tue Linh - Dinh Thi Khanh Hoa

Preschool Education Students D2025, Hanoi Metropolitan University

Email: vthoan@hnm.edu.vn.

**Abstract:** This article assesses the current state of pedagogical communication skills with 5-6 years old children among second-year Preschool Education students at Hanoi Metropolitan University, in the context of professional demands requiring the teachers not only to "communicate" but also to establish relationships, create psychological security, and adjust interactions according to the individual characteristics of each child. Within this article, the author identifies pedagogical communication skills comprising three groups: relationship building, information exchange, and the use of communication tools. A survey on 193 second-year Preschool Education students at Hanoi Metropolitan University revealed that pedagogical communication skills were at an average level on the scale, with information exchange skills being the highest, followed by relationship building skills, and communication tool usage skills being the lowest. The results indicate a gap between theoretical requirements and students' practical abilities, suggesting that more attention should be paid to practical activities during training, increased feedback mechanisms in internships, standardized criteria for communication behavior, and the development of interaction skills to raise skills from average to a level that meets professional requirements.

**Keywords:** Communication skills, practice, internship, preschool education.